

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ LONG KHÁNH
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 28/4/2023

V/v Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG KHÁNH TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Mỹ Lê

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Văn Thành

2. Bà Lương Thị Bảo Thùy

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Công Nam – Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Khánh tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Dũng – Kiểm sát viên

Vào ngày 28/4/2023, tại Tòa án nhân dân thành phố Long Khánh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 123/2023/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 3 năm 2023 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 10/4/2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Phan Văn T, sinh năm 1982. HKTT: ấp P, thị trấn T, huyện V, thành phố Cần Thơ. Chỗ ở hiện nay: khu phố N, phường X, thành phố L, tỉnh Đồng Nai.

2. Bị đơn: Chị Hồ Thị H, sinh năm 1997. Địa chỉ: ấp L, xã B, thành phố L, tỉnh Đồng Nai.

(Anh T và chị H có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 01/3/2023, các lời khai bổ sung nguyên đơn anh Phan Văn T trình bày: Anh và chị Hồ Thị H kết hôn vào năm 2019, có đăng ký kết hôn vào năm 2021 tại Ủy ban nhân dân xã B. Sau khi kết hôn anh chị sống hạnh phúc đến cuối năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn do kinh tế gia đình khó khăn, chị H bị gia đình tác động chia rẽ nên bỏ về nhà cha mẹ ruột sống cho đến nay. Nay anh nhận thấy không còn tình cảm với chị H nên yêu cầu được ly hôn.

Anh chị có hai con chung là Phan Tường D sinh ngày 28/01/2020 và Phan Tường Lâm sinh ngày 13/10/2001, anh yêu cầu được nuôi cháu D và giao cháu L cho chị H nuôi dưỡng, cả hai không cấp dưỡng nuôi con. Anh chị không có tài sản chung và nợ chung.

Chứng cứ: Căn cước công dân, xác nhận thông tin cư trú, giấy đăng ký kết hôn,

giấy khai sinh, đơn đề nghị không hòa giải, đơn xin vắng mặt.

- *Tại bản tự khai, các lời khai bổ sung bị đơn chị Hồ Thị H trình bày:* Chị thống nhất với lời trình bày của anh T về việc đăng ký kết hôn, con chung, tài sản chung và nợ chung. Về mâu thuẫn chị cho rằng do anh T không quan tâm chăm sóc cho vợ con, anh tự giữ tiền lương nên sinh hoạt ăn uống hàng ngày của chị và các con luôn thiếu thốn, anh chị hay gây gổ và đến tháng 02/2022 chị đem con trốn về nhà cha mẹ ruột. Nay chị đồng ý ly hôn với anh T, chị yêu cầu nuôi cháu L, giao cháu D cho anh T nuôi dưỡng, cả hai không cấp dưỡng nuôi con. Anh chị không có tài sản chung và nợ chung.

Chứng cứ: T1 khai, đơn xin vắng mặt.

- *Các tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập:* Không có.

- *Ý kiến của kiểm sát viên:*

+ Về việc tuân theo pháp luật của Tòa án và đương sự trong việc giải quyết vụ án: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đều thực hiện đúng theo quy định của BLTTDS.

Những người tham gia tố tụng cũng chấp hành và thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định của BLTTDS, anh T và chị H có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa nên Tòa án nên xét xử vắng mặt anh chị là đúng quy định.

+ Về nội dung vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh T. Giao cháu D cho anh T nuôi dưỡng, giao cháu L cho chị H nuôi dưỡng. Tài sản chung, nợ chung không có nên không xem xét. Về án phí: anh T chịu án phí ly hôn theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: anh Phan Văn T có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn chị Hồ Thị H nên xác định anh T là nguyên đơn, chị H là bị đơn trong vụ án. Do anh chị có đơn xin vắng mặt nên Tòa án căn cứ điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh T, chị H.

[2] Về quan hệ hôn nhân: anh Phan Văn T và chị Hồ Thị H có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Anh T và chị H đều thống nhất cuộc sống chung của anh chị hiện không còn hạnh phúc, xảy ra nhiều mâu thuẫn và ngày càng trầm trọng, kéo dài, đã ly thân từ tháng 02/2022 và cả hai đã không còn tình cảm. Nhận thấy giữa anh chị không còn khả năng hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận cho anh T ly hôn với chị H.

[3] Về con chung: anh chị thỏa thuận giao cháu Phan Tường D sinh ngày 28/01/2020 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Phan Tường Lâm s ngày 13/10/2001 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, thỏa thuận của anh chị đảm bảo tốt cho con chung nên chấp nhận. Tạm thời anh T và chị H không thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự khai không có nên không xem xét.

[5] Về án phí: anh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn.

[6] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát thành phố L phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các điều 28, 35, 147, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: anh Phan Văn T ly hôn chị Hồ Thị H.
- Về con chung: giao cháu Phan Tường D sinh ngày 28/01/2020 cho anh Phan Văn T trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Phan Tường Lâm s ngày 13/10/2001 cho chị Hồ Thị H trực tiếp nuôi dưỡng
- Chị Hồ Thị H và anh Phan Văn T được quyền qua lại, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Khi cần thiết, chị H và anh T được quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con, việc cấp dưỡng và mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.
- Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự khai không có nên không xem xét.
- Về án phí: anh Phan Văn T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn, chuyển 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí anh T nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Long Khánh theo biên lai thu số 0006533 ngày 01/3/2023 thành tiền án phí, anh T đã nộp đủ án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, Người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND TP. Long Khánh;
- Lưu án văn;
- Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Thị Mỹ Lệ

